



TRƯỜNG THPT DƯƠNG VĂN DƯƠNG

**HOẠT ĐỘNG SINH HOẠT
TẬP TRUNG HỌC SINH ĐẦU CẤP
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Nhà Bè, ngày 22 tháng 8 năm 2019

KHUNG THỜI GIAN NĂM HỌC 2019 – 2020

(theo Quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 02/7/2019)

THỜI GIAN	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
Từ 22/7/2019 Đến 26/7/2019	• Sinh hoạt tập trung Học sinh đầu cấp THPT (Khối lớp 10); • Dự kiến Biên chế lớp học và Giáo viên chủ nhiệm khối lớp 10;
Từ 01/8/2019 Đến 15/8/2019	• Phổ biến chính thức danh sách học sinh của các lớp học; • Thông báo Thời khóa biểu Học kỳ 1;
Từ 19/8/2019 Đến 30/8/2019	• Học sinh toàn trường tập trung sinh hoạt ngày Tự trường; • Bắt đầu học tập Chính khóa 02 tuần đầu tiên (Tuần 01 + 02) theo thời khóa biểu của Học kỳ 1; • Tổ chức Hội nghị Cha mẹ Học sinh Đầu năm học;

KHUNG THỜI GIAN NĂM HỌC 2019 – 2020

(theo Quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 02/7/2019)

THỜI GIAN	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
Thứ Năm ngày 05/9/2019	Lễ Khai giảng Năm học 2019 – 2020;
Từ 02/9/2019 Đến 03/01/2020	• Dạy – Học Chính khóa & Buổi Hai, các hoạt động giáo dục của Học kỳ 1 trong 17 tuần (từ Tuần 03 đến Tuần 17); • Tuần 09: Tổ chức Kiểm tra tập trung Giữa Học kỳ 1; • Tuần 18, 19: Tổ chức Kiểm tra tập trung Học kỳ 1; Xét duyệt kết quả học tập, rèn luyện của Học kỳ 1; • Tuần 20: Sơ kết Học kỳ 1; Tổ chức Hội nghị Cha mẹ Học sinh Giữa năm học;

KHUNG THỜI GIAN NĂM HỌC 2019 – 2020

(theo Quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 02/7/2019)

THỜI GIAN	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
Từ 06/01/2020 Đến 17/01/2020	Bắt đầu Dạy – Học theo Thời khóa biểu Học kỳ 2; (Học Tuần 21 + 22)
Từ 20/01/2020 Đến 02/02/2020 (Tuần 23 + 24)	Nghỉ Tết Nguyên Đán (từ 26 tháng Chạp AL, đến hết mừng 09 tháng Giêng AL);
Từ 03/02/2020 Đến 23/5/2020	• Dạy – Học Chính khóa & Buổi Hai, các hoạt động giáo dục của Học kỳ 2 trong 16 tuần (từ Tuần 25 đến Tuần 36); • Tuần 29: Tổ chức Kiểm tra tập trung Giữa Học kỳ 2; • Tuần 38, 39: Tổ chức Kiểm tra tập trung Học kỳ 2; Xét duyệt kết quả học tập, rèn luyện của Học kỳ 2;

KHUNG THỜI GIAN NĂM HỌC 2019 – 2020

(theo Quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 02/7/2019)

THỜI GIAN	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
Từ 25/05/2020 Đến 30/05/2020	• Tuần 40: Tổ chức Lễ Bế Giảng Năm Học 2019 – 2020; • Tổ chức Hội nghị Cha mẹ Học sinh Cuối năm học; • Học sinh Khối 10, 11: Nghỉ Hè 2020; • Học sinh Khối 12: Bắt đầu Luyện tập Ôn thi Tốt nghiệp THPT Quốc Gia 2020;
Tháng 06, 07/2020	Kỳ thi Tuyển sinh 10 / NH: 2020 - 2021; Kỳ thi Tốt Nghiệp THPT Quốc Gia 2020; Tuyển sinh Đại học – Cao đẳng 2020; Hoàn thành Tuyển sinh Đầu cấp năm học 2020 – 2021 (trước ngày 31/7/2019).

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHỐI LỚP ĐẦU CẤP (LỚP 10)

LỚP	GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM	BỘ MÔN
10A01	CÔ ĐOÀN THỊ THÙY TRINH	Anh Văn
10A02	CÔ NGUYỄN THỊ MINH MÍNH	Ngữ Văn
10A03	CÔ LÊ THỊ HOÀI THU	Anh Văn
10A04	CÔ NGUYỄN THY NGỌC	Ngữ Văn
10A05	CÔ NGUYỄN THIÊN MỸ THY	Ngữ Văn

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHỐI LỚP ĐẦU CẤP (LỚP 10)

LỚP	GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM	BỘ MÔN
10A06	Cô PHẠM THỊ THƯƠNG	Toán
10A07	Cô ĐOÀN THỊ TRƯỜNG VI	Hóa Học
10A08	Cô HOÀNG THỊ KIM CHÂU	Toán
10A09	Thầy VŨ QUANG DŨNG	Vật Lý

TRƯỜNG THPT DƯƠNG VĂN DƯƠNG

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỐI VỚI HỌC SINH THPT

NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

THẦY BÙI QUỐC HUY – PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN

1

MỤC TIÊU GIÁO DỤC & HỌC TẬP

- Trích dẫn nội dung liên quan Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (**UNESCO**).

2

NHIỆM VỤ HỌC TẬP & RÈN LUYỆN

- Trích dẫn các nội dung quan trọng của Điều Lệ trường THPT (Thông tư hướng dẫn số **12/TT-BGDĐT** ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT).

3

QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH

- Trích dẫn các nội dung quan trọng của Thông tư hướng dẫn số **58/TT-BGDĐT** ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT.



MỤC TIÊU GIÁO DỤC & HỌC TẬP

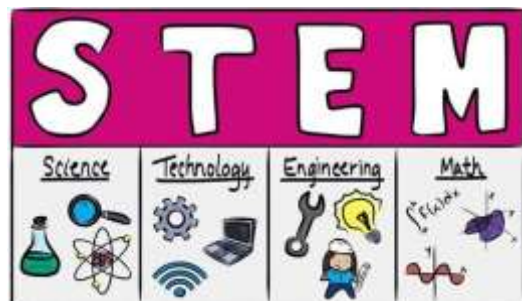


**HỌC ĐỂ BIẾT, HỌC ĐỂ LÀM,
HỌC ĐỂ CHUNG SỐNG, HỌC ĐỂ
TỰ KHẲNG ĐỊNH MÌNH**

STEM

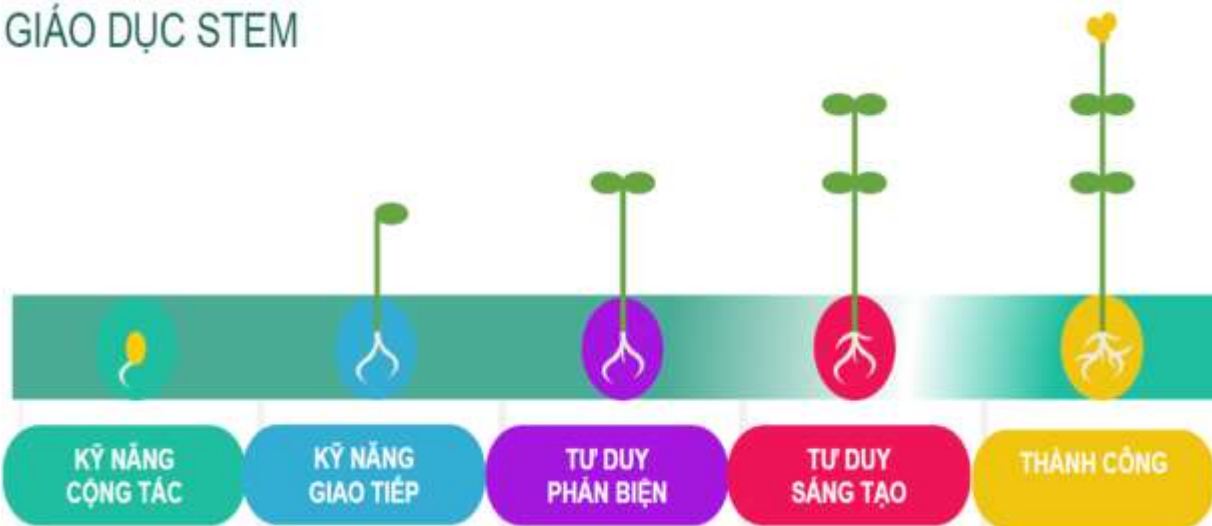


Science • Technology • Engineering • Math



GIÁO DỤC STEM

GIÁO DỤC STEM





NHIỆM VỤ HỌC TẬP & RÈN LUYỆN

NHIỆM VỤ CỦA HỌC SINH

(trích Đ.38 TT.12)

Thực hiện học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch của nhà trường;

Kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; Đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện;

Thực hiện Điều lệ, Nội quy của nhà trường; Chấp hành pháp luật của Nhà nước;

NHIỆM VỤ CỦA HỌC SINH

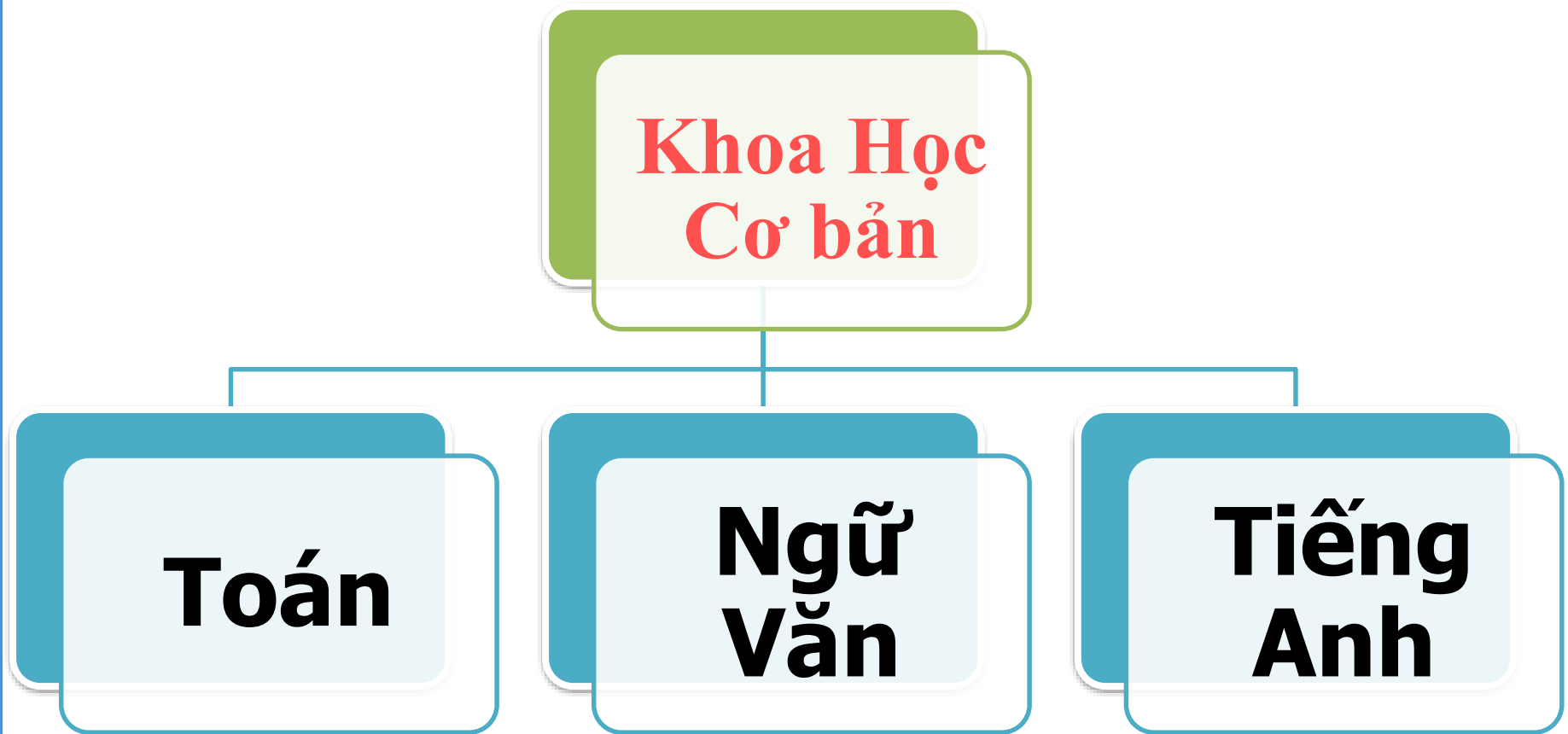
(trích Đ.38 TT.12)

Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh các nhân;

Tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường;
Giúp đỡ gia đình; Tham gia công tác xã hội; Thực hiện trật tự an toàn giao thông;

Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường;

04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG



04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

**Khoa học
Tự Nhiên**

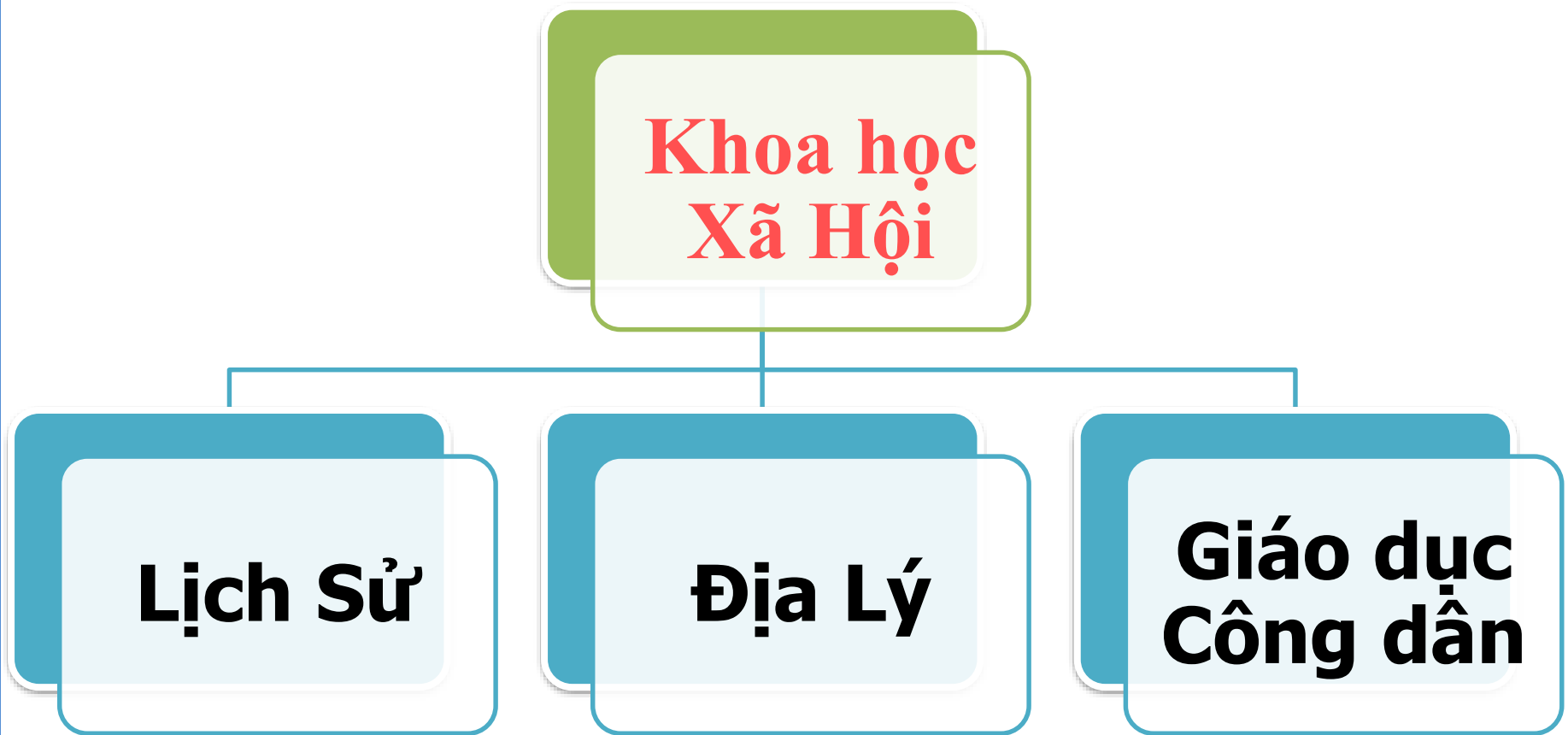
```
graph TD; A[Khoa học Tự Nhiên] --- B[Vật Lý]; A --- C[Hóa Học]; A --- D[Sinh Học]
```

Vật Lý

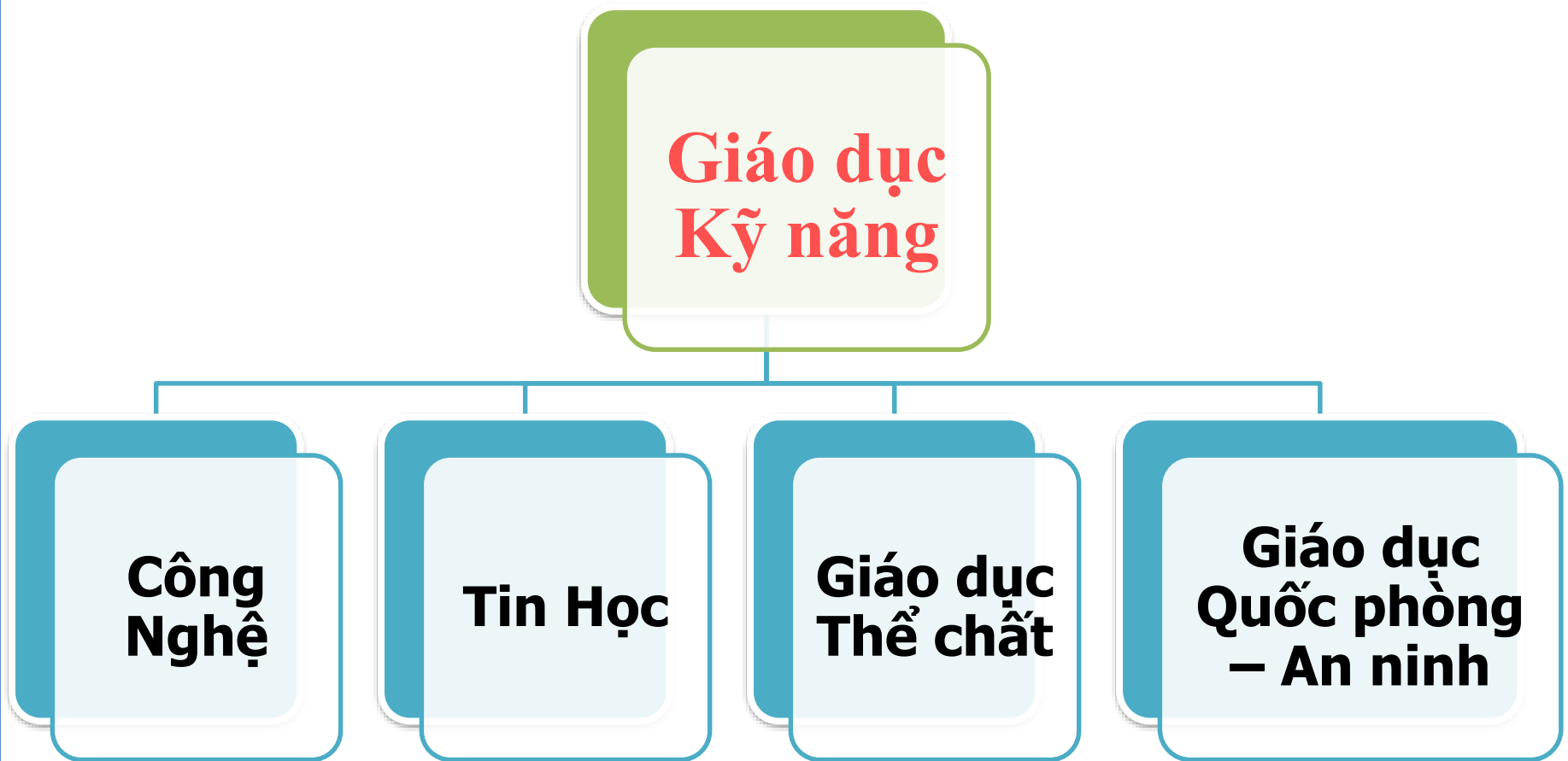
**Hóa
Học**

**Sinh
Học**

04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG



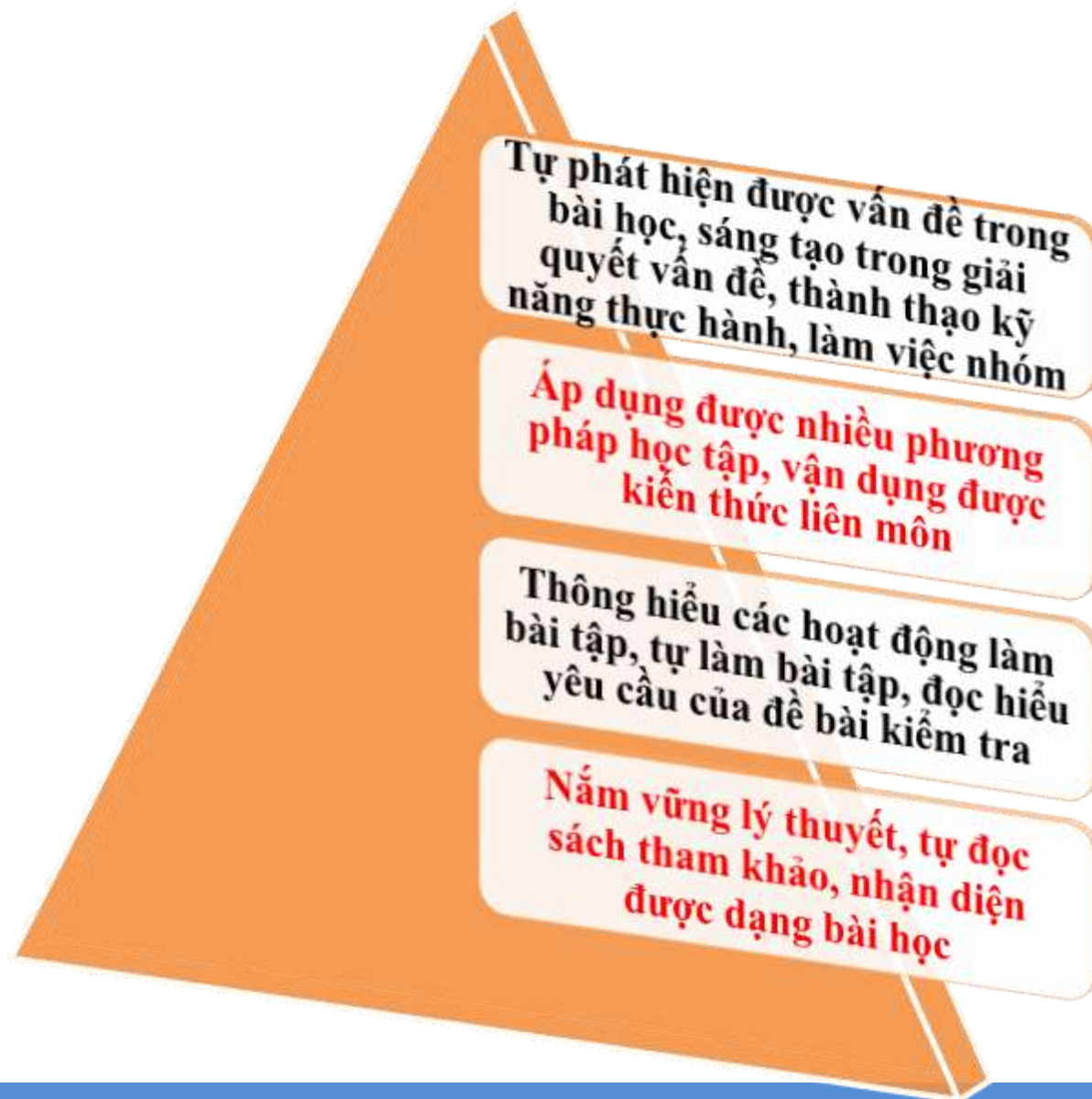
04 NHÓM MÔN HỌC CỦA CHƯƠNG TRÌNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG



04 MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT TRONG HỌC TẬP



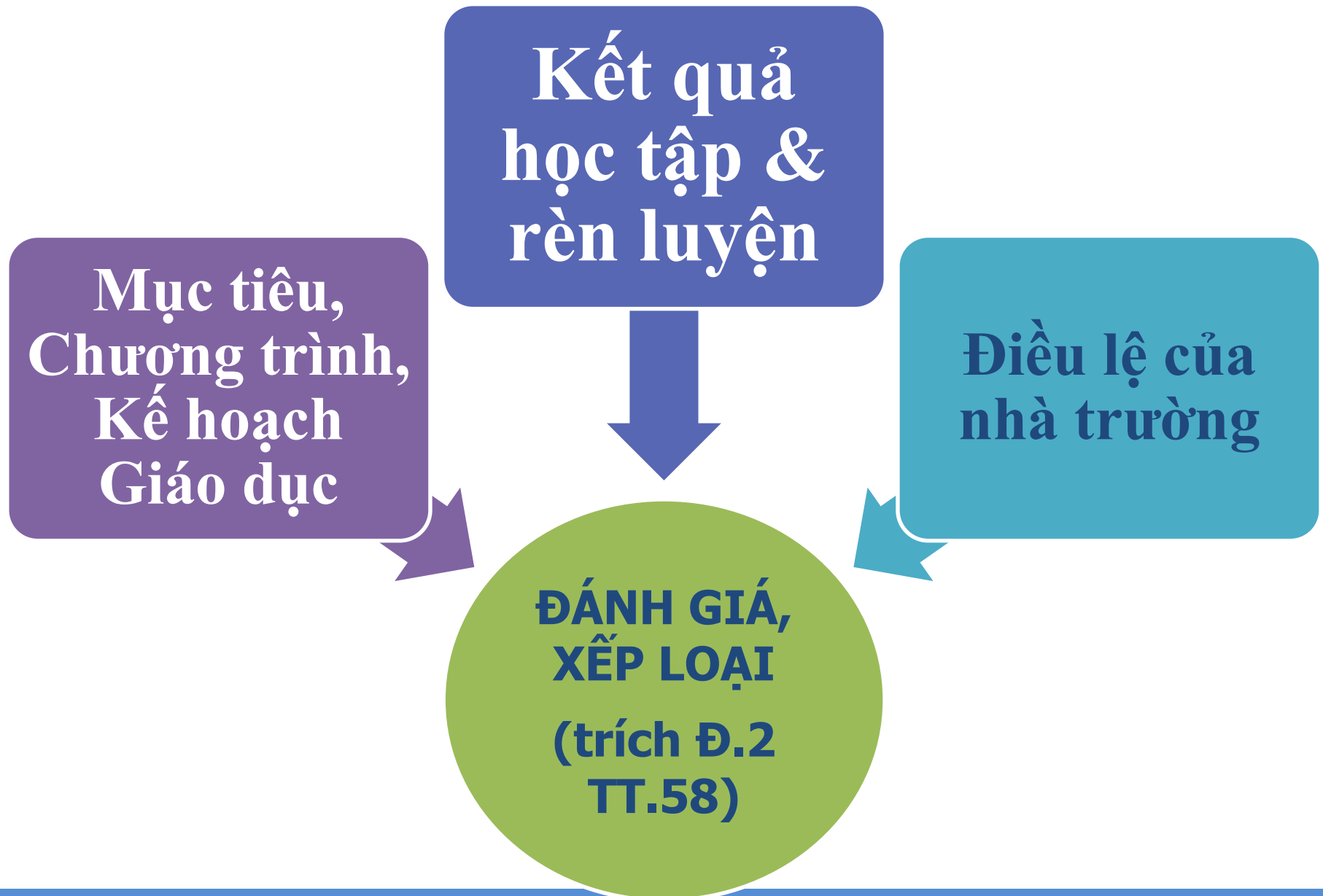
04 MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT TRONG HỌC TẬP





ĐÁNH GIÁ & XẾP LOẠI HỌC SINH THPT

CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH





**XẾP
LOẠI
HẠNH
KIỂM**

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI **HẠNH KIỂM** (trích Đ.3 TT.58)

Hạnh kiểm được xếp thành **04** loại:
T (Tốt), **K** (Khá), **TB** (Trung bình)
và **Y** (Yếu);

Hạnh kiểm được đánh giá, xếp loại
sau **mỗi học kỳ** (học kỳ 1, 2) và **cả
năm học**;

Hạnh kiểm **Cả năm** học chủ yếu
căn cứ vào xếp loại Hạnh kiểm Học
kỳ 2 và sự tiến bộ của học sinh;



TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI

HẠNH KIỂM

(HỌC KỲ & CẢ NĂM)

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: **TỐT**

(trích Đ.4 TT.58)

Thường xuyên **thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường**; Chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, **an toàn giao thông**; ...

Luôn luôn **kính trọng thầy cô giáo, người lớn tuổi**; Có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết; Tích cực **giữ gìn vệ sinh**, bảo vệ môi trường; ...

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HÀNH KIỂM: **TỐT** (trích Đ.4 TT.58)

Thực hiện tốt, **hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập**, có **ý thức vươn lên**, **trung thực** trong học tập; **Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục** do nhà trường tổ chức; ...

Có thái độ, hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn học **Giáo dục Công dân**.

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: **KHÁ** (trích Đ.4 TT.58)

Chưa đạt mức độ **tốt** ở các tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm Tốt;

Còn **thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa** sau khi được thầy cô giáo và các bạn góp ý;

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: TRUNG BÌNH (trích Đ.4 TT.58)

Có một số khuyết điểm (ở mức độ chưa nghiêm trọng) nên không đạt chuẩn xếp loại hạnh kiểm Tốt;

Có tiếp thu, sửa chữa khuyết điểm sau khi được nhắc nhở và giáo dục, nhưng tiến bộ còn chậm.

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM: **YẾU** (trích Đ.4 TT.58)

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm **Trung bình**; Hoặc có một (**01**) trong những khuyết điểm được nêu dưới đây:

[a] Có sai phạm nghiêm trọng, hoặc có sai phạm lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện các quy định xếp loại hạnh kiểm Tốt; Được giáo dục nhưng chưa sửa chữa.

XẾP LOẠI HÀNH KIỂM: YẾU **(trích Đ.4 TT.58)**

[b] Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của thầy cô giáo, nhân viên nhà trường; Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của bạn hoặc của người khác.

[c] Gian lận trong học tập, trong kiểm tra, trong thi cử.

XẾP LOẠI HÀNH KIỂM: YẾU (trích Đ.4 TT.58)

[d] Đánh nhau, gây rối trật tự an ninh trong nhà trường hoặc ngoài xã hội;

[e] Vi phạm an toàn giao thông;
Gây thiệt hại tài sản công hoặc tài sản của người khác.



**XẾP
LOẠI
HỌC
LỰC**

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI **HỌC LỰC** (trích Đ.5 TT.58)

Học lực được xếp thành **05** loại:
G (Giỏi), **K** (Khá), **TB** (Trung bình), **Y** (Yếu) và **Kém**;

Học lực được đánh giá, xếp loại sau **mỗi học kỳ** (học kỳ 1, 2) và **cả năm học**;

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC (trích Đ.5 TT.58)

Căn cứ đánh giá, xếp loại Học lực dựa trên **mức độ hoàn thành chương trình các môn học, hoạt động giáo dục** trong kế hoạch giáo dục cấp THPT;

Mức độ hoàn thành chương trình các môn học được xét dựa trên **kết quả đạt được của các bài Kiểm tra**;

CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ **HỌC LỰC** (trích Đ.6 TT.58)

[a] Đối với môn **Giáo dục Thể chất** (môn thể dục): đánh giá bằng **nhận xét** kết quả học tập;

[b] Đối với môn **Giáo dục Công dân**: kết hợp giữa đánh giá bằng **cho điểm số và nhận xét** kết quả học tập;

CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ **HỌC LỰC** (trích Đ.6 TT.58)

[c] Các môn học còn lại: đánh giá bằng cho **điểm số**;

[d] Các bài kiểm tra được cho điểm theo thang điểm từ **điểm 00 đến điểm 10**;

KẾT QUẢ MÔN HỌC TRONG ĐÁNH GIÁ **HỌC LỰC** (trích Đ.6 TT.58)

Đối với môn học được đánh giá bằng cho
điểm số:

- Tính điểm trung bình môn học (**ĐTB_M**) và tính điểm trung bình các môn học (**ĐTB_{CM}**) sau mỗi học kỳ, cả năm học.

KẾT QUẢ MÔN HỌC TRONG ĐÁNH GIÁ **HỌC LỰC** (trích Đ.6, Đ.7 TT.58)

Đối với môn học được đánh giá bằng **nhận xét** sau mỗi học kỳ, cả năm học theo 02 loại: **Đ** (đạt yêu cầu), **CĐ** (chưa đạt yêu cầu)

- Loại **Đ**: nếu đảm bảo thực **hiện được các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng** đối với nội dung trong bài kiểm tra; Hoặc: **có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt** trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.
- Kết quả nhận xét các bài kiểm tra **đều tính một lần khi xếp loại môn học** sau mỗi học kỳ.

KẾT QUẢ NHẬN XÉT MÔN HỌC CỦA MỖI HỌC KỲ VÀ CỦA CẢ NĂM HỌC (trích Đ.10 TT.58)

Kết quả môn học của **Học kỳ** là **Đ** nếu thỏa điều kiện:

- Có đủ số lần kiểm tra tối thiểu theo quy định và có **2/3** số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức **Đ**, trong đó có bài kiểm tra **Học kỳ**.

Kết quả môn học của Cả năm là **Đ** nếu thỏa điều kiện:

- Cả **hai học kỳ** đều được xếp loại **Đ**;
- Hoặc: **Học kỳ 1** có thể bị xếp loại là **CĐ**, nhưng **Học kỳ 2** phải có xếp loại là **Đ**.



CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA

HÌNH THỨC KIỂM TRA (**KTr**), PHÂN LOẠI BÀI KIỂM TRA (trích Đ.7 TT.58)

KTr Thường xuyên

**KTr Hỏi đáp
(Hệ số 1)**

**KTr Viết / Thực
hành dưới 45 phút
(Hệ số 1)**

KTr Định kỳ

**KTr Viết / Thực hành
từ 45 phút trở lên
(Hệ số 2)**

**KTr Học kỳ (cuối kỳ)
(Hệ số 3)**

HÌNH THỨC KIỂM TRA (**KTr**), PHÂN LOẠI BÀI KIỂM TRA (trích Đ.7 TT.58)

KIỂM TRA BÙ

Học sinh **không có đủ số lần kiểm tra tối thiểu theo quy định chương trình học** của mỗi môn học thì **phải được kiểm tra Bù**;

Kiểm tra Bù được hoàn thành **trong từng Học kỳ** (hoặc cuối năm học)

Học sinh **không tham dự kiểm tra bù** (đã được thông báo) sẽ có điểm **00** hoặc bị nhận xét **CĐ**.

NGUYÊN TẮC CHO ĐIỂM BÀI KIỂM TRA (trích Đ.8 TT.58)

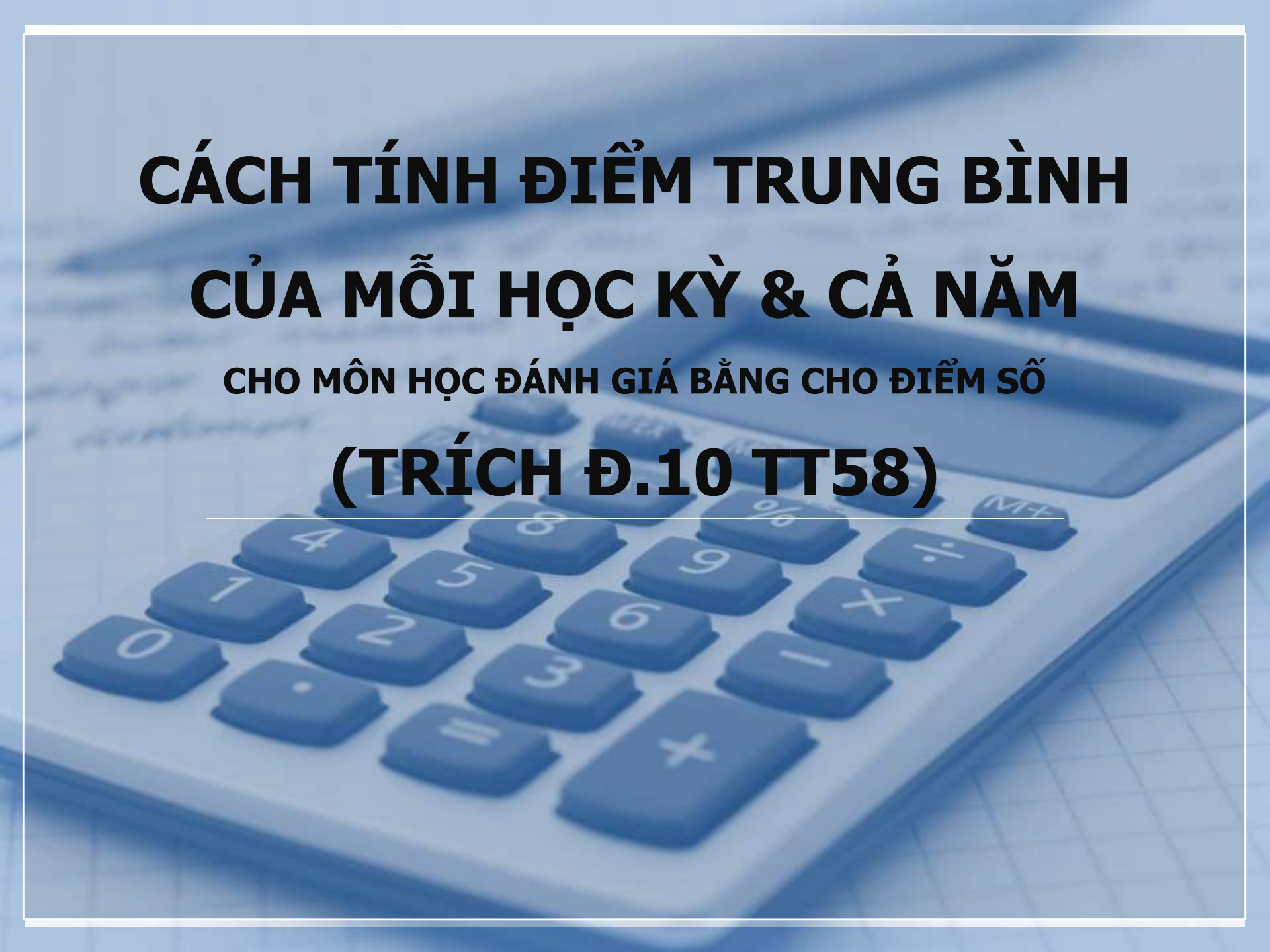
Đối với bài **Kiểm tra Thường xuyên** như kiểm tra Hỏi đáp, kiểm tra Viết (dưới 45 phút) có hình thức làm bài **Tự luận**:

- Điểm cho bài kiểm tra là điểm **số nguyên**;
- Ví dụ: 00 ; 01 ; 5 ; 8 ; ...

NGUYÊN TẮC CHO ĐIỂM BÀI KIỂM TRA (trích Đ.8 TT.58)

Đối với bài **Kiểm tra Thường xuyên** có hình thức làm bài **Trắc nghiệm** (hoặc có phần trắc nghiệm), bài **Kiểm tra Định kỳ**:

- Điểm cho bài kiểm tra là điểm **số nguyên**, hoặc là điểm **số thập phân** được lấy đến **chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số**;
- Ví dụ: 00 ; 1,0 ; 3,5; 5,0 ; 6,3 ; 8,8 ; ...



CÁCH TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CỦA MỖI HỌC KỲ & CẢ NĂM

CHO MÔN HỌC ĐÁNH GIÁ BẰNG CHO ĐIỂM SỐ

(TRÍCH Đ.10 TT58)

$$\text{ĐTBM}_{\text{HK}} = \frac{(\text{TĐKT}_{\text{TX}}) + (\text{TĐKT}_{\text{ĐK}}) \times 2 + (\text{ĐKT}_{\text{HK}}) \times 3}{(\text{Số bài KT}_{\text{TX}}) + (\text{Số bài KT}_{\text{ĐK}}) \times 2 + 3}$$

**TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN HỌC
CỦA MỖI HỌC KỲ**

		ĐIỂM HỆ SỐ 1				ĐIỂM HỆ SỐ 2		ĐIỂM HỆ SỐ 3
HK.I:	M	V_1	V_2	V_3	V_4	V_5	V_6	THI HK
	8	5	2	7	4	5.5	6.8	6.3
ĐTB_HKI:	5.8							

$$[\text{ĐTB}_{mhk.I}] = \frac{[8 + 5 + 2 + 7 + 4] + 2 \times [5.5 + 6.8] + 3 \times [6.3]}{[5] + 2 \times [2] + 3}$$

VÍ DỤ TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN / HỌC KỲ 1

$$\text{ĐTBM}_{\text{CN}} = \frac{(\text{ĐTBM}_{\text{HK.1}}) + (\text{ĐTBM}_{\text{HK.2}}) \times 2}{3}$$

**TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN
CẢ NĂM HỌC**

ĐIỂM TOÁN CỦA HS: NGUYỄN VĂN A								
		ĐIỂM HỆ SỐ 1				ĐIỂM HỆ SỐ 2		ĐIỂM HỆ SỐ 3
HK.I:	M	V_1	V_2	V_3	V_4	V_5	V_6	THI HK
	8	5	2	7	4	5.5	6.8	6.3
ĐTB_HKI:	5.8							
ĐIỂM TOÁN CỦA HS: NGUYỄN VĂN A								
		ĐIỂM HỆ SỐ 1				ĐIỂM HỆ SỐ 2		ĐIỂM HỆ SỐ 3
HK.II:	M	V_1	V_2	V_3	V_4	V_5	V_6	THI HK
	7	6	4	7	3	6	7.5	7
ĐTB_HKII:	6.3							
CẢ NĂM:								
ĐTBm_CN:	6.1							

$$[ĐTB_{mcn}] = \frac{[5,8] + 2 \times [6,3]}{3}$$

VÍ DỤ TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN / CẢ NĂM HỌC

TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CÁC MÔN HỌC (ĐTBCM) CỦA HỌC KỲ & CẢ NĂM HỌC (TRÍCH Đ.11 TT58)

ĐTBCM HK

Là điểm **TRUNG BÌNH CỘNG** của điểm trung bình môn Học kỳ (ĐTBM_{HK}) của các môn học đánh giá bằng điểm số.

Là số nguyên hoặc là số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

ĐTBCM CN

Là điểm **TRUNG BÌNH CỘNG** của điểm trung bình môn Cả năm (ĐTBM_{CN}) của các môn học đánh giá bằng điểm số.

Là số nguyên hoặc là số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.



TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HỌC LỰC

(HỌC KỲ & NĂM HỌC)

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HỌC LỰC: **GIỎI** (trích Đ.13 TT.58)

ĐTB_{CM} $\geq$ 8.0; Trong đó: môn TOÁN hoặc môn NGỮ VĂN phải có **ĐTB $\geq$ 8.0**.

Không có môn học nào có **ĐTB $<$ 6,5**;

Các môn học được đánh giá bằng nhận xét phải có mức **Đ**.

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HỌC LỰC: **KHÁ** (trích Đ.13 TT.58)

ĐTB_{CM} $\geq 6,5$; Trong đó: môn TOÁN hoặc môn NGỮ VĂN phải có **ĐTB_M** $\geq 6,5$.

Không có môn học nào có **ĐTB_M** $< 5,0$;

Các môn học được đánh giá bằng nhận xét phải có mức **Đ**.

TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI HỌC LỰC: TRUNG BÌNH (trích Đ.13 TT.58)

ĐTB_{CM} $\geq 5,0$; Trong đó: môn TOÁN hoặc môn NGỮ VĂN phải có **ĐTB_M $\geq 5,0$** .

Không có môn học nào có **ĐTB_M $< 3,5$** ;

Các môn học được đánh giá bằng nhận xét phải có mức **Đ**.

XẾP LOẠI HỌC LỰC: YẾU
(trích Đ.13 TT.58)

$$\text{ĐTB}_{CM} \geq 3,5.$$

Không có môn học nào có $\text{ĐTB}_{BM} < 2,0$;

XẾP LOẠI HỌC LỰC: KÉM
(trích Đ.13 TT.58)

Tất cả các trường hợp còn lại



XÉT DUYỆT KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NĂM HỌC

XÉT DUYỆT KẾT QUẢ NĂM HỌC: ĐƯỢC LÊN LỚP (trích Đ.15 TT.58)

Học sinh có **tất cả**
điều kiện sau đây:

Nghỉ (vắng mặt) **không quá 45 buổi học**; **Kể cả**
nghỉ có phép hoặc không có phép, nghỉ liên tục
hoặc nhiều lần cộng lại;

Có đánh giá, xếp loại **Hạnh kiểm và Học lực**: từ
mức **Trung bình** trở lên;

XÉT DUYỆT KẾT QUẢ NĂM HỌC: ĐƯỢC RÈN LUYỆN HÈ (trích Đ.16 TT.58)

Học lực Cả năm: xếp loại từ **Trung bình** trở lên;
Hạnh kiểm Cả năm: xếp loại **Yếu**.

Học sinh **đăng ký tham gia Rèn luyện hè** của nhà trường và phải thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện đạo đức trong kỳ nghỉ hè để được xét duyệt Hạnh kiểm lại;

Nếu hoàn thành nhiệm vụ trong kỳ rèn luyện hè và được đánh giá, xếp loại lại Hạnh kiểm từ **Trung Bình** trở lên, thì được xét duyệt lên lớp.

XÉT DUYỆT KẾT QUẢ NĂM HỌC: ĐƯỢC KIỂM TRA LẠI (trích Đ.16 TT.58)

Hạnh kiểm Cả năm: xếp loại từ **Trung bình** trở lên;
Học lực Cả năm: xếp loại **Yếu**.

Học sinh được **chọn một số môn** trong các môn học có điểm trung bình môn Cả năm (**ĐTBM_{CN}**) **dưới 5,0** hoặc có kết quả nhận xét **CĐ** để kiểm tra Lại;

Kết quả kiểm tra Lại được lấy **thay thế cho kết quả xếp loại Cả năm học của môn học đó** để tính lại điểm trung bình các môn cả năm (**ĐTBCM CN**) và xếp loại lại về học lực; Sau khi xếp loại lại, nếu đạt mức **Trung bình** thì được lên lớp.

thank
YOU
SO MUCH

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN
SỰ LẮNG NGHE**
